

NGHỊ QUYẾT
VỀ MỘT SỐ CẢI TIẾN, ĐỔI MỚI ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG,
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỐC HỘI

QUỐC HỘI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10;

Căn cứ Luật tổ chức Quốc hội số 30/2001/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 83/2007/QH11;

Trên cơ sở Tờ trình số 143/TTr-UBTVQH13 ngày 18 tháng 5 năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Đề án tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Quốc hội và ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Triển khai thực hiện một số cải tiến, đổi mới trong các hoạt động sau đây của Quốc hội:

1. Hoạt động lập pháp;
2. Hoạt động giám sát;
3. Quyết định các vấn đề quan trọng;
4. Tổ chức kỳ họp Quốc hội;
5. Tổ chức phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội;
6. Hoạt động tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội;
7. Công tác bảo đảm phục vụ hoạt động của Quốc hội.

Điều 2. Một số cải tiến, đổi mới trong hoạt động lập pháp

1. Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội hoặc Thường trực Hội đồng dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội tham gia thẩm tra và gửi ý kiến bằng văn bản đối với các đề nghị, kiến nghị về luật, pháp lệnh, các chính sách pháp luật dự kiến đưa vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh toàn khóa và hằng năm của Quốc hội theo lĩnh vực được phân công phụ trách. Ủy ban pháp luật chủ trì thẩm tra và giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội lập dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh. Báo cáo thẩm tra của Ủy ban pháp luật phải phản ánh đầy đủ ý kiến

tham gia thẩm tra của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban khác của Quốc hội. Không đưa vào dự kiến Chương trình các dự án không đủ điều kiện theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội giám sát việc thực hiện chương trình xây dựng luật, pháp lệnh thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách; hằng tháng có thông báo về tiến độ, chất lượng chuẩn bị các dự án luật, pháp lệnh đã được phân công chủ trì thẩm tra gửi Ủy ban pháp luật để tổng hợp báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Khi đại biểu Quốc hội có đề nghị, kiến nghị về luật, pháp lệnh, Viện nghiên cứu lập pháp của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm tư vấn, hỗ trợ đại biểu Quốc hội trong việc lập, hoàn thiện hồ sơ theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật để trình Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quốc hội xem xét đưa vào Chương trình.

2. Cơ quan chủ trì thẩm tra và cơ quan trình dự án luật, dự thảo nghị quyết chủ động, tích cực phối hợp ngay từ khi bắt đầu và trong suốt quá trình xây dựng dự án; tổ chức các hoạt động với cơ quan trình dự án để trao đổi thông tin, thảo luận các vấn đề còn có ý kiến khác nhau; chủ động triển khai các hoạt động nghiên cứu, khảo sát, tham vấn chuyên gia về dự án luật, dự thảo nghị quyết, bảo đảm tính khách quan, toàn diện, khoa học và tính phản biện độc lập của báo cáo thẩm tra.

Các cơ quan của Quốc hội tham gia thẩm tra dự án luật, dự thảo nghị quyết gửi ý kiến bằng văn bản đến cơ quan chủ trì thẩm tra để tổng hợp và thẩm tra.

Báo cáo thẩm tra ngoài việc trình bày các nội dung đã có sự thống nhất với cơ quan trình dự án luật, dự thảo nghị quyết, cần tập trung phân tích, trình bày rõ các vấn đề còn có ý kiến khác nhau, đề xuất quan điểm và phương án xử lý của cơ quan chủ trì thẩm tra trình Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quốc hội xem xét, quyết định.

3. Trong thời gian giữa hai kỳ họp Quốc hội, tổ chức Hội nghị đại biểu Quốc hội chuyên trách, Hội nghị trực tuyến với sự tham gia của các vị đại biểu Quốc hội, các nhà quản lý, chuyên gia, nhà khoa học. Tăng thời gian thảo luận về các dự án luật, dự thảo nghị quyết tại Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội. Việc tổ chức thảo luận, tập hợp, tổng hợp, tổ chức nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của các đại biểu Quốc hội đối với các dự án được tiến hành và có giá trị như xin ý kiến Quốc hội về dự án luật, dự thảo nghị quyết tại kỳ họp Quốc hội.

4. Tại kỳ họp Quốc hội, tổ chức thảo luận tổ đối với một số dự án luật, dự thảo nghị quyết trình lần đầu còn nhiều ý kiến khác nhau. Theo đề nghị của cơ quan chủ trì thẩm tra, Ủy ban thường vụ Quốc hội dự kiến một số vấn đề quan

trọng, ý kiến còn khác nhau đề nghị đại biểu Quốc hội tập trung thảo luận. Các dự án luật, dự thảo nghị quyết trình thông qua được bố trí trình đầu kỳ họp để có thời gian tập hợp, tổng hợp ý kiến đại biểu Quốc hội và dự kiến tiếp thu, chỉnh lý.

Tại phiên họp toàn thể, Quốc hội tập trung thảo luận về những vấn đề quan trọng, ý kiến còn khác nhau của dự án luật, dự thảo nghị quyết; đại diện cơ quan trình báo cáo, giải trình làm rõ thêm những vấn đề liên quan đến dự án mà đại biểu Quốc hội nêu.

Ủy ban thường vụ Quốc hội chỉ đạo cơ quan thẩm tra, cơ quan trình, Đoàn thư ký kỳ họp dự kiến những nội dung cơ bản, những vấn đề quan trọng còn nhiều ý kiến khác nhau của dự án luật, dự thảo nghị quyết cần xin ý kiến đại biểu Quốc hội, làm cơ sở cho việc tiếp thu, chỉnh lý. Các ý kiến của đại biểu Quốc hội được tổng hợp, tiếp thu, giải trình và báo cáo đầy đủ với Quốc hội.

Điều 3. Một số cải tiến, đổi mới trong hoạt động giám sát

1. Tổ chức bỏ phiếu tín nhiệm, lấy phiếu tín nhiệm đối với những người giữ các chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn. Giao Ủy ban thường vụ Quốc hội xây dựng Quy chế quy định cụ thể đối tượng, quy trình, thủ tục bỏ phiếu tín nhiệm, lấy phiếu tín nhiệm và việc xử lý kết quả trình Quốc hội xem xét, quyết định tại kỳ họp thứ 4 (tháng 10/2012).

2. Quốc hội dành toàn bộ thời gian của phiên họp chất vấn tại hội trường để chất vấn trực tiếp. Trên cơ sở chất vấn của đại biểu Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội dự kiến lựa chọn một số nhóm vấn đề quan trọng, được cử tri, đại biểu Quốc hội quan tâm để chất vấn tại Hội trường. Đại biểu Quốc hội đăng ký chất vấn theo nhóm vấn đề, tiến hành chất vấn từng nhóm vấn đề theo hướng đối thoại, tranh luận. Câu hỏi chất vấn ngắn gọn, rõ ý, không giải thích dài hoặc chi hỏi thông tin. Thời gian tối đa cho một lần hỏi không quá 2 phút. Người trả lời chất vấn phải trả lời ngắn gọn, trực tiếp, cụ thể vào nội dung của câu hỏi; thời gian trả lời theo yêu cầu của chủ tọa. Căn cứ vào kết quả chất vấn và trả lời chất vấn, Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét và khi cần thiết trình Quốc hội ban hành Nghị quyết về chất vấn và trả lời chất vấn. Nghị quyết nêu rõ kết quả phiên chất vấn, yêu cầu đặt ra đối với người trả lời chất vấn; trách nhiệm của người trả lời chất vấn và cơ quan, tổ chức hữu quan; các đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách pháp luật; trách nhiệm của người trả lời chất vấn thực hiện lời hứa trước Quốc hội và việc giám sát thực hiện.

Hàng năm, tổ chức ít nhất 2 lần chất vấn tại phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội về những vấn đề được Quốc hội giao, do đại biểu Quốc hội chất vấn hoặc Ủy ban thường vụ Quốc hội lựa chọn; tăng cường hoạt động giải trình tại Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội về những vấn đề thuộc lĩnh vực Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội phụ trách. Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách ở trung ương và đại biểu Quốc hội quan tâm đăng ký tham dự phiên

hợp chất vấn của Ủy ban thường vụ Quốc hội, phiên họp giải trình của Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội. Tùy theo nội dung có thể thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động chất vấn, giải trình; tổ chức phát thanh, truyền hình trực tiếp và truyền hình trực tuyến để các đại biểu Quốc hội tham gia và nhân dân theo dõi, giám sát. Giao Ủy ban thường vụ Quốc hội xây dựng quy chế quy định cụ thể quy trình, thủ tục tổ chức chất vấn tại phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội, tổ chức giải trình tại Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

3. Chương trình hoạt động giám sát của Quốc hội được thông qua tại kỳ họp thứ nhất của năm trước để có thời gian, điều kiện cho các đại biểu Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, Đoàn giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Đoàn giám sát của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội triển khai việc thực hiện tại địa bàn, đơn vị liên quan.

4. Ủy ban thường vụ Quốc hội chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội tại địa phương, bảo đảm trong cùng một thời điểm chỉ có một đoàn giám sát của cơ quan của Quốc hội tại một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Đoàn giám sát phải gửi chương trình, kế hoạch làm việc đúng thời gian quy định, xác định cụ thể nội dung làm việc; thành phần đoàn phải thiết thực, gọn nhẹ.

Điều 4. Một số cải tiến, đổi mới trong việc quyết định các vấn đề quan trọng

1. Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội hoặc Thường trực Hội đồng dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội tham gia thẩm tra và có ý kiến bằng văn bản về dự toán ngân sách nhà nước, quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm của bộ, ngành thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách; Ủy ban tài chính, ngân sách chủ trì thẩm tra toàn bộ dự toán ngân sách nhà nước, quyết toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương hằng năm. Nội dung báo cáo thẩm tra của Ủy ban tài chính, ngân sách phải phản ánh ý kiến tham gia thẩm tra của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban khác của Quốc hội. Chính phủ phải bảo đảm để đại biểu Quốc hội có đầy đủ thông tin cần thiết khi tham gia quyết định ngân sách nhà nước.

2. Khi cần thiết, áp dụng quy trình xem xét tại 2 kỳ họp Quốc hội đối với dự án, công trình quan trọng quốc gia trình Quốc hội xem xét, quyết định. Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội hoặc Thường trực Hội đồng dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội thẩm tra và có ý kiến bằng văn bản đối với dự án, công trình thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách. Cơ quan chủ trì thẩm tra chủ động nghiên cứu, thu thập thông tin, tư liệu liên quan đến dự án, công trình; phối hợp với cơ quan trình ngay từ đầu quá trình chuẩn bị để trao đổi, xử lý các vấn đề thuộc nội dung của dự án, công trình; tổ chức hội nghị chuyên gia, thu hút các

nhà khoa học, cơ quan chuyên môn độc lập thẩm định các vấn đề khoa học - công nghệ; tổ chức lấy ý kiến các đối tượng chịu sự tác động của dự án, công trình.

Điều 5. Một số cải tiến, đổi mới trong việc tổ chức kỳ họp Quốc hội

1. Sau mỗi kỳ họp Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội dự kiến chương trình kỳ họp tiếp theo gửi các cơ quan, tổ chức hữu quan cho ý kiến hoàn thiện về các nội dung có liên quan. Chỉ đưa vào chương trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến hoặc quyết định những vấn đề đã được chuẩn bị chu đáo về nội dung, trình đúng thời hạn, thẩm quyền, quy trình, thủ tục theo quy định của pháp luật.

2. Trong thời gian giữa 2 kỳ họp Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các đại biểu Quốc hội, các đại biểu Quốc hội chuyên trách, các Đoàn đại biểu Quốc hội tăng thời gian thảo luận, nghiên cứu, góp ý kiến vào các nội dung chuẩn bị trình Quốc hội bằng nhiều hình thức khác nhau. Ý kiến phát biểu của đại biểu Quốc hội tại tổ, hội trường và bằng văn bản có giá trị như nhau.

3. Các đại biểu Quốc hội dành thời gian nghiên cứu kỹ nội dung dự án, đề án, báo cáo trước khi dự họp. Ngoài dự án, báo cáo, đề án và báo cáo thẩm tra đầy đủ, cơ quan trình và cơ quan thẩm tra chuẩn bị báo cáo tóm tắt để trình bày; rút ngắn thời gian trình bày tại hội trường xuống còn khoảng 10 đến 15 phút, thời gian trình bày cụ thể đối với báo cáo của Chính phủ và báo cáo thẩm tra về kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định.

Văn bản của cơ quan, tổ chức trình phải nêu rõ nội dung cần báo cáo, những vấn đề quan trọng, ý kiến còn khác nhau cần xin ý kiến Quốc hội.

Báo cáo thẩm tra tập trung phân tích, phản biện và đưa ra kiến nghị thể hiện rõ chính kiến của cơ quan thẩm tra về các chính sách được đề xuất trong dự án, đề án, báo cáo; nêu rõ những vấn đề tán thành, những vấn đề bổ sung, hoàn chỉnh và lý do cụ thể; đồng thời, nêu rõ những vấn đề quan trọng, còn ý kiến khác nhau và đề xuất phương án xử lý.

Bố trí thời gian thảo luận tại Hội trường phù hợp với nội dung và phạm vi của từng dự án, đề án, báo cáo; tăng cường đối thoại, tranh luận về các vấn đề quan trọng còn nhiều ý kiến khác nhau. Thời gian phát biểu của đại biểu Quốc hội tại hội trường lần đầu không quá 7 phút, lần sau không quá 3 phút.

4. Đối với các dự án, đề án, báo cáo trình Quốc hội mà có nội dung cần ban hành nghị quyết thì cơ quan, tổ chức trình phải trình dự thảo nghị quyết cùng với dự án, đề án, báo cáo; cơ quan thẩm tra chủ trì việc tiếp thu ý kiến của các đại biểu Quốc hội, hoàn thiện dự thảo nghị quyết trình Quốc hội. Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội được giao tổ chức giám sát chuyên đề chủ trì chuẩn bị dự thảo nghị quyết giám sát chuyên đề. Đoàn thư ký kỳ họp chủ trì chuẩn bị dự thảo

ng nghị quyết về chất vấn và trả lời chất vấn. Cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo nghị quyết chủ động tổ chức ban soạn thảo hoặc tổ biên tập để chuẩn bị dự thảo nghị quyết. Dự thảo Nghị quyết phải được Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận, cho ý kiến trước khi trình Quốc hội xem xét, quyết định.

5. Khi cần thiết, Chủ tịch Quốc hội tổ chức họp với các Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội để thảo luận, chỉ đạo điều hành những nội dung quan trọng, bảo đảm thành công của kỳ họp Quốc hội.

Điều 6. Một số cải tiến, đổi mới trong việc tổ chức phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Thời gian bắt đầu phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội vào khoảng từ ngày 10 đến ngày 15 hằng tháng, trừ trường hợp đặc biệt theo quyết định của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Các cơ quan trình dự án luật, dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo phải nghiêm túc thực hiện quy định về việc gửi tài liệu; không đưa vào chương trình kỳ họp Quốc hội, phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội các dự án luật, dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo không thực hiện đúng quy định về thời gian gửi tài liệu; đồng thời, yêu cầu, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan trình dự án luật, dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo đó.

3. Kết luận của Ủy ban thường vụ Quốc hội về dự án luật, dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án được thông báo đến các cơ quan, tổ chức hữu quan để nghiên cứu tiếp thu hoặc triển khai thực hiện; đối với các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ban hành nghị quyết.

4. Đối với nội dung Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến, tập trung thảo luận các vấn đề về quan điểm, chủ trương, chính sách lớn hoặc còn nhiều ý kiến khác nhau được cơ quan trình, Ủy ban thẩm tra đề nghị; tiến độ, điều kiện trình dự án. Đối với nội dung Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định theo thẩm quyền thì dành thời gian để thảo luận, hoàn chỉnh dự thảo nghị quyết.

5. Khi cần thiết, Ủy ban thường vụ Quốc hội tổ chức Hội nghị đại biểu Quốc hội chuyên trách để thảo luận, cho ý kiến về dự án, đề án, báo cáo.

Điều 7. Một số cải tiến, đổi mới hoạt động tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội

1. Bảo đảm các điều kiện để đại biểu Quốc hội tiếp xúc cử tri ở nơi ứng cử, nơi cư trú, nơi làm việc; tiếp xúc cử tri theo chuyên đề, lĩnh vực, đối tượng, địa bàn mà đại biểu Quốc hội quan tâm. Đại biểu Quốc hội dành thời gian gặp, nắm bắt, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của cử tri; gắn nội dung tiếp xúc cử tri với việc chuẩn bị kỳ họp Quốc hội, hoạt động của các cơ quan của Quốc hội.

Căn cứ vào thực tế của từng địa phương, Đoàn đại biểu Quốc hội chủ động phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và chính quyền địa phương các cấp tạo điều kiện để đại biểu Quốc hội có hình thức tiếp xúc cử tri phù hợp.

2. Nội dung, chương trình, lịch tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội được thông báo công khai; tạo điều kiện thuận lợi để cử tri có thể tham dự các cuộc tiếp xúc; bảo đảm để đại biểu Quốc hội có điều kiện trực tiếp gặp gỡ với cử tri; tạo không khí cởi mở, dân chủ, trao đổi thẳng thắn giữa cử tri với đại biểu và dành thời gian thích đáng để cử tri nêu ý kiến, kiến nghị.

Tăng cường tiếp xúc trực tiếp; phân định trách nhiệm giải quyết kiến nghị của từng cấp, từng cơ quan, tổ chức; tiếp nhận, xử lý các kiến nghị hoặc kịp thời chuyển các kiến nghị đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết; thông báo công khai, kịp thời kết quả tiếp xúc cử tri trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương. Có kế hoạch theo dõi, giám sát việc giải quyết kiến nghị và thông báo kết quả giải quyết đến cử tri, bảo đảm để mọi kiến nghị của cử tri đều được trả lời công khai, đúng thời hạn.

Điều 8. Một số cải tiến, đổi mới công tác bảo đảm

1. Tạo điều kiện thuận lợi để báo chí tiếp cận, đưa tin về hoạt động của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các đại biểu Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội và bảo đảm việc đưa tin chính xác, khách quan theo quy định của pháp luật về báo chí. Tăng thời lượng các chương trình phát thanh và truyền hình về Quốc hội trên các kênh truyền hình phủ sóng toàn quốc; xây dựng Kênh truyền hình Quốc hội phù hợp với điều kiện của nước ta.

2. Cung cấp đầy đủ thông tin về việc chuẩn bị các dự án, đề án, báo cáo trình Quốc hội cho đại biểu Quốc hội; tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm thông qua truyền hình trực tuyến từ trụ sở Quốc hội đến các khu vực và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; tổ chức Thư viện Quốc hội, cổng thông tin điện tử Quốc hội; chuẩn bị điều kiện, cơ sở vật chất - kỹ thuật nâng cao chất lượng Quốc hội điện tử.

3. Sửa đổi, bổ sung một số chế độ chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Quốc hội, đại biểu Quốc hội; ban hành chế độ thuê chuyên gia, cung cấp thông tin phục vụ hoạt động của đại biểu Quốc hội, bảng lương, chế độ phụ cấp cho đại biểu Quốc hội chuyên trách, một số chế độ, chính sách đặc thù phục vụ hoạt động của đại biểu Quốc hội và chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

4. Kien toàn bộ máy cơ quan tham mưu, giúp việc theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả; phân công, phân nhiệm cụ thể, rõ ràng; có sự liên thông, phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, bảo đảm không chồng chéo và phân tán nguồn lực. Tổng kết hoạt động của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, xây

dựng cơ chế hoạt động hiệu quả, bảo đảm liên thông, gắn kết với Văn phòng Quốc hội trong việc phục vụ hoạt động của đại biểu Quốc hội tại Đoàn đại biểu Quốc hội.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các cơ quan của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các đại biểu Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội; Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan, tổ chức hữu quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Ủy ban thường vụ Quốc hội:

a) Hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung các văn bản sau đây trước ngày 31 tháng 12 năm 2012:

- Nghị quyết số 228/NQ-UBTVQH10 ngày 15/11/1999 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc đại biểu Quốc hội tiếp công dân và xử lý đơn thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân;

- Nghị quyết số 417/2003/NQ-UBTVQH11 ngày 01/10/2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Quốc hội;

- Nghị quyết liên tịch số 06/2004/NQLT/UBTVQH11-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 10/9/2004 giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XI và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn về việc đại biểu Quốc hội tiếp xúc cử tri;

- Nghị quyết số 545/2007/UBTVQH12 ngày 11/12/2007 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thành lập và quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu, tổ chức của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

- Nghị quyết số 773/2009/UBTVQH12 ngày 31/3/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định một số chế độ chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Quốc hội.

b) Ban hành bảng lương, chế độ phụ cấp cho đại biểu Quốc hội chuyên trách, một số chế độ chính sách đặc thù phục vụ hoạt động của đại biểu Quốc hội và một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân trước ngày 31 tháng 12 năm 2012;

c) Ban hành Quy chế quy định cụ thể về quy trình, thủ tục tổ chức chất vấn tại phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội; quy trình, thủ tục tổ chức giải trình tại

phiên họp Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội trước ngày 31 tháng 12 năm 2012;

d) Xây dựng Quy chế về việc bỏ phiếu tín nhiệm, lấy phiếu tín nhiệm đối với những người giữ các chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XIII.

3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2012.

Nghị quyết số 271/NQ-UBTVQH13 ngày 01/11/2011 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về một số cải tiến, đổi mới để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Quốc hội hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

Nghị quyết này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 21 tháng 6 năm 2012.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

(Đã ký)

Nguyễn Sinh Hùng